TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2023/DS-PT
Ngày: 25/4/2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Phan Thanh Tòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2023/QĐPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang Y, sinh năm 1955;

Cư trú tại: ấp Q1, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Võ Trung T2, sinh năm 1961;

Cư trú tại: ấp Q1, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962;

Cư trú tại: ấp Q1, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1967;

Cư trú tại: ấp Q1, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là:

1. Bà Đinh Thị Bé M, sinh 1972;

Cư trú tại: Số nhà 65B7, Khu phố O, phường K1, thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Anh Đỗ Hiệp P3, sinh năm 1995;

Cư trú tại: ấp Trung B, xã B2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 105D, ấp B4, xã B5, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Mỹ L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2021, bản tự khai những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Y là chủ sử dụng, quản lý phần đất thuộc thửa 421, tờ bản đồ số 15 có diện tích 3018,3m^2, loại đất CLN, đất có nguồn gốc là do tập đoàn giao khoán cho hộ ông Y từ năm 1983. Ngày 02/3/2018, hộ ông Y đồng ý cho ông Y được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất trồng lúa. Giáp ranh với phần đất của Y là phần đất thuộc thửa 422, tờ bản đồ số 15, diện tích 1984,9m^2 do ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Mỹ L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ranh giữa hai bên được phân định là 1 bờ đê, do đất lúa, ông Y lên bờ trồng dừa, nên ông Y đào 1 cái mương bên phần đất của ông Y nhằm thoát nước ngăn ngập cây trồng, khi đào mương ông Y chừa lại bờ đê làm ranh. Quá trình sử dụng ông H, bà L đã lấn chiếm bờ đê có chiều dài khoảng 177m chiều ngang 0.3m, tổng diện tích đất lấn chiếm 55,7m^2, ông Y có đầy đủ tài liệu chứng cứ chứng minh đất thửa 422, tờ bản đồ số 15 của ông H và bà L dư 13 m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà L. Ông Y yêu cầu ông H, bà L trả lại phần đất lấn chiếm khoảng 177m chiều ngang 0.3m, tổng diện tích đất lấn chiếm 55,7m^2 thuộc thửa 421, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre và chi phí đi lại 3.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tôi không đồng ý, phần đất đang tranh

chấp vào năm 2004 ông H mua của ông Nguyễn Văn K (thửa 1217) ông Y lúc đó đồng ý ký trụ ranh, sau đó thửa 1217 thành thửa 1075 và nay là thửa 422. Quá trình sử dụng ông H không lấn chiếm đất của ông Y như ông Y trình bày. Ông Y đào đất lấn qua bờ đê vào phần đất của ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang Y.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Mỹ L có trách nhiệm di dời hàng rào thuộc các điểm Z, X, V, N, M, I trả lại cho ông Lê Quang Y phần đất có diện tích 55,7m^2 ký hiệu thửa 421-2, thuộc một phần thửa 421, tờ bản đồ 15, tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

Ghi nhận ông Lê Quang Y không tranh chấp thửa 422-1 có diện tích 4,3m^2 thuộc 1 phần thửa 422 do hộ bà Trần Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y về việc yêu cầu bà L, ông H phải trả 3.000.000 đồng chi phí tố tụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Mỹ L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa 421, tờ bản đồ số 15, đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho ông Lê Quang Y ngày 02/3/2018. Giáp ranh với thửa 421, tờ bản đồ số 15 của ông Y là thửa 422, tờ bản đồ số 15 của ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Mỹ L. Nguyên đơn trình bày ranh giới giữa thửa 421 và 422 là một con đê. Quá trình sử dụng đất ông Y có đào một con mương thoát nước, ngăn ngập, trên phần đất của ông và có để lại con đê làm ranh giữa hai thửa đất. Năm 2021, ông H và bà L xây hàng rào lấn qua phần đất của ông Y ngang 0.3m, dài 177m, ông không đồng ý cho ông H, bà L làm hàng rào và yêu cầu dừng việc làm hàng rào để đo đạc lại nhưng ông H, bà L vẫn xây hàng rào lấn chiếm qua phần đất của ông. Ông Y yêu cầu bà L, ông H trả lại phần đất lấn chiếm 55,7m^2, thuộc thửa 421-2, tờ bản đồ số 15 và bồi thường chi phí đi lại 3.000.000 đồng. Bị đơn ông H và bà L trình bày không lấn đất của ông Y vì đất của ông H, bà L nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn K vào năm 1993, khi đó ông Y có ký giáp ranh. Quá trình sử dụng đất ông Y đào mương lấn qua bờ đê vào phần đất của ông H, bà L.

[2] Xét thấy, bà Trần Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 422, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn K năm 1993 (là thửa 1217, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre có diện tích 1971,1m^2) sau đó thửa 1217 đổi thành thửa 1075 và nay là thửa 422, tờ bản đồ số 15. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB240408 ngày 12/01/2002, thửa 1075, tờ bản đồ số 15 cấp cho hộ bà Trần Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn H có diện tích 1971,1m^2, đúng với diện tích chuyển nhượng mà ông H, bà L nhận chuyển nhượng từ ông K. Theo hiện trạng đo đạc thửa 422, tờ bản đồ số 15 (thửa cũ là 1075, tờ bản đồ số 15) có diện tích 1984,9m^2 như vậy theo hiện trạng thửa 422 của ông H, bà L dư 13,8m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

[3] Theo kết quả đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp có diện tích 55,7m^2 ký hiệu 421-2 vị trí hoàn toàn trong thửa 421, tờ bản đồ số 15 của ông Lê Quang Y. Trong khi phần đất bà L, ông H chỉ đo chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu cộng thêm phần ông H, bà L chỉ đo thì phần đất của ông H và bà L sẽ tăng thêm 55,7m^2. Căn cứ vào họa đồ hiện trạng, căn cứ vào thực tế sử dụng có cơ sở xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa 421-2, tờ bản đồ số 15, diện tích 55,7m^2 là của ông Lê Quang Y, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y buộc ông H, bà L giao trả lại phần đất tranh chấp là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản dân sự sơ thẩm. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006729 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Mỹ L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 166, 175, 176 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang Y về tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Mỹ L.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Mỹ L có trách nhiệm di dời hàng rào thuộc các điểm Z, X, V, N, M, I trả lại cho ông Lê Quang Y phần đất có diện tích 55,7m^2 ký hiệu thửa 421-2, thuộc một phần thửa 421, tờ bản đồ 15, tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

Ghi nhận ông Lê Quang Y không tranh chấp phần đất có diện tích 4,3m^2 (ký hiệu 422-1) thuộc một phần thửa 422 do hộ bà Trần Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang Y về việc yêu cầu bà L, ông H phải trả 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chi phí đi lại.

4. Về chi phí tố tụng là 5.368.000 đồng (năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) bà Trần Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn H phải chịu. Do ông Lê Quang Y đã nộp tạm ứng xong nên buộc ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ liên đới trả lại ông Lê Quang Y số tiền 5.368.000 đồng (năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quang Y là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Bà Trần Thị Mỹ L phải có trách nhiệm chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006729 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyênện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuY án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng